

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 506/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 10 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 03/TTr-LĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 496/TTr-SNV ngày 11 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum đã được Đại hội Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Liên đoàn Cầu lông tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KTTH-Th.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
LIÊN ĐOÀN CẦU LÔNG TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum.
2. Tên viết tắt tiếng Việt Nam: LĐCLKT.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum (LĐCLKT) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết các hội viên, cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, những người ham thích tập luyện môn cầu lông và những người nhiệt tình động viên, ủng hộ hoạt động của môn cầu lông.

Liên đoàn Cầu lông tỉnh tập hợp và đoàn kết các lực lượng trong và ngoài tỉnh về cầu lông, khai thác mọi tiềm năng xã hội để phát triển sâu rộng phong trào trong quần chúng, nâng cao trình độ cầu lông, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, nhân cách con người Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

Điều 3. Địa vị, pháp lý

1. Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Liên đoàn Cầu lông tỉnh đặt tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh Kon Tum (*Khán đài A, Sân vận động tỉnh Kon Tum, đường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum, trong lĩnh vực thể dục thể thao.

2. Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hoạt động của LĐCLKT theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum.

CHƯƠNG II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của LDCLKT

1. Tuyên truyền mục đích của Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích, hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia tổ chức hoặc được tổ chức theo thẩm quyền các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trong tỉnh và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.
5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum.
6. Thành lập và giải thể các tổ chức trực thuộc LDCLKT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của LDCLKT.
7. Được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.
8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ của LDCLKT

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của LDCLKT. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ LDCLKT đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của LDCLKT để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của LDCLKT; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của LDCLKT nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của LDCLKT, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.
3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của LDCLKT.
4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của LDCLKT theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ LĐCLKT theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của LĐCLKT.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của LĐCLKT theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

CHƯƠNG III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của LĐCLKT gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức: Là các tổ chức, cá nhân Việt Nam cùng tham gia hoạt động về lĩnh vực tập luyện và thi đấu môn cầu lông trong và ngoài tỉnh, đồng thời tán thành Điều lệ của LĐCLKT, tự nguyện làm đơn xin gia nhập LĐCLKT, có thể trở thành hội viên chính thức của LĐCLKT.

b) Hội viên liên kết: Là công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành thành viên chính thức của LĐCLKT nhưng có tâm huyết đóng góp cho sự phát triển của LĐCLKT, tán thành Điều lệ, tự nguyện làm đơn xin gia nhập LĐCLKT, có thể trở thành hội viên liên kết của LĐCLKT.

c) Hội viên danh dự: Là những cá nhân ở trong nước có đóng góp đặc biệt vào thực hiện mục đích của LĐCLKT.

2. Tiêu chuẩn hội viên: Mọi tổ chức và cá nhân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn, tán thành Điều lệ của LĐCLKT, tự nguyện tham gia, có đơn và hồ sơ đăng ký xin gia nhập và được Ban Thường trực LĐCLKT đồng ý đều có thể trở thành hội viên của LĐCLKT.

Điều 9. Quyền hạn của hội viên

1. Được LĐCLKT bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được LĐCLKT cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do LĐCLKT tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của LĐCLKT theo quy định của LĐCLKT; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của LĐCLKT.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra LĐCLKT theo quy định của LĐCLKT.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của LĐCLKT.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi LĐCLKT khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của LĐCLKT và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra LĐCLKT.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, quy định của LĐCLKT.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của LĐCLKT; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng LĐCLKT phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của LĐCLKT, không nhân danh LĐCLKT trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo LĐCLKT phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của LĐCLKT.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của LĐCLKT.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, ra hội viên của Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum

1. Hội viên tổ chức và cá nhân muốn gia nhập hoặc xin ra khỏi LĐCLKT phải làm đơn xin gia nhập hoặc đơn xin ra khỏi LĐCLKT và được Ban Thường trực xem xét, quyết định.

2. Hội viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách hội viên của LĐCLKT trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin rút khỏi LĐCLKT;

b) LĐCLKT giải thể hoặc bị giải thể;

c) Khi hội viên hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của LĐCLKT, gây tổn hại đến danh dự, uy tín của LĐCLKT và các hội viên khác;

đ) Không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của hội viên, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, Quy chế hoạt động và các Nghị quyết của LĐCLKT.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của LĐCLKT

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường trực.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng Liên đoàn và các Ban chuyên môn (*Ban chuyên môn, phong trào - thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Ban Tài chính - Vận động*).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của LĐCLKT là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của LĐCLKT;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể LĐCLKT (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của LĐCLKT;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban chấp hành LĐCLKT

1. Ban Chấp hành LĐCLKT do Đại hội bầu trong số các hội viên của LĐCLKT. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ LĐCLKT, lãnh đạo mọi hoạt động của LĐCLKT giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của LĐCLKT;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của LĐCLKT. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử

dụng tài chính, tài sản của LĐCLKT; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của LĐCLKT; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ LĐCLKT phù hợp với quy định của Điều lệ LĐCLKT và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, Tổng Thư ký, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không vượt quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ LĐCLKT;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch LĐCLKT.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực LĐCLKT gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, tổng thư ký và một số ủy viên khác. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực LĐCLKT:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ LĐCLKT; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc LĐCLKT theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc LĐCLKT;

d) Chỉ đạo hoạt động thường xuyên của LĐCLKT.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực LĐCLKT:

a) Ban Thường trực LĐCLKT hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ LĐCLKT;

b) Ban Thường trực LĐCLKT 03 tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch LĐCLKT hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực LĐCLKT quyết định;

d) Các quyết định, kết luận của Ban Thường trực LĐCLKT được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch LĐCLKT.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ LĐCLKT, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các Quy chế của LĐCLKT.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến LĐCLKT.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ LĐCLKT.

4. Ban Kiểm tra họp thường kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch LĐCLKT hoặc Trưởng Ban Kiểm tra.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch LĐCLKT là đại diện pháp nhân của LĐCLKT trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của LĐCLKT. Chủ tịch LĐCLKT do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành LĐCLKT. Tiêu chuẩn Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành LĐCLKT quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch LĐCLKT:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập LĐCLKT, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của LĐCLKT, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực về mọi hoạt động của LĐCLKT. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của LĐCLKT theo quy định Điều lệ LĐCLKT; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của LĐCLKT;

đ) Khi Chủ tịch LĐCLKT vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của LĐCLKT được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch LĐCLKT.

3. Phó Chủ tịch LĐCLKT do Ban chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành LĐCLKT. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch LĐCLKT do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch LĐCLKT chỉ đạo, điều hành công tác của LĐCLKT theo sự phân công của Chủ tịch LĐCLKT; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch LĐCLKT và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch LĐCLKT phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch LĐCLKT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực LĐCLKT phù hợp với Điều lệ LĐCLKT và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký do Ban chấp hành bầu ra trong số các Ủy viên Ban Chấp hành LĐCLKT hoặc 01 Phó Chủ tịch kiêm tổng thư ký.

2. Tổng Thư ký điều hành công việc của Văn phòng LĐCLKT, giúp Ban Thường trực, Chủ tịch giải quyết công việc hằng ngày, chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các cuộc hội nghị, hội thảo do LĐCLKT tổ chức; giúp Ban Thường trực, Chủ tịch điều phối hoạt động của các Ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc và các Hội thành viên tập thể LĐCLKT.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể LĐCLKT

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể LĐCLKT thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của LĐCLKT

1. Tài chính của LĐCLKT:

a) Nguồn thu của LĐCLKT:

- Lệ phí gia nhập LĐCLKT, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của LĐCLKT:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của LĐCLKT;
- Chi mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại LĐCLKT theo quy định của Ban Chấp hành LĐCLKT phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của LĐCLKT: Tài sản của LĐCLKT bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của LĐCLKT. Tài sản của LĐCLKT được hình thành từ nguồn kinh phí của LĐCLKT; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của LĐCLKT

1. Tài chính, tài sản của LĐCLKT chỉ được sử dụng cho các hoạt động của LĐCLKT.

2. Tài chính, tài sản của LĐCLKT khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành LĐCLKT ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của LĐCLKT đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của LĐCLKT.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc LĐCLKT, hội viên có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc được LĐCLKT đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành LĐCLKT quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ LĐCLKT theo quy định của pháp luật và Điều lệ LĐCLKT.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc LĐCLKT, hội viên vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của LĐCLKT thì Ban chấp hành LĐCLKT xem xét, kỷ luật bằng các hình thức sẽ tùy mức độ vi phạm như khiển trách, phê bình, cảnh cáo hoặc xóa tên trong danh sách Hội viên.

2. Ban Chấp hành LĐCLKT quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ LĐCLKT theo quy định của pháp luật và Điều lệ LĐCLKT.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐCLKT

Chỉ có Đại hội Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐCLKT phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum (sửa đổi, bổ sung) gồm 8 (tám) Chương, 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội đại biểu Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum khóa II (2015- 2020) thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh Kon Tum và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum, Ban Chấp hành Liên đoàn Cầu lông tỉnh Kon Tum có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa